

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-PT

Ngày: 19 – 01 – 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 114/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (theo văn bản ủy quyền ngày 17/3/2020). (có mặt)

2. *Đồng bị đơn:*

2.1 Ông Phạm Văn K, sinh năm 1968 (có mặt)

2.2 Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tổng Văn N, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện V; địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 21/12/2019 và số 256/NHNoVL-UQ ngày 02/6/2021). (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt)

3.2 Ủy ban nhân dân huyện V

Địa chỉ trụ sở: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Danh Thái T, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, (theo văn bản ủy quyền số 05/GUQ ngày 15/3/2021). (vắng mặt do có đơn xin vắng mặt)

3.3 Ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

3.4 Bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ, là đồng bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2020 và lời khai tại Tòa án, bà Trịnh Thị T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà H là cụ Phạm Văn N1 và cụ Nguyễn Thị T3. Vào khoảng năm 1982 cụ N1 và cụ T3 cho đất bà H sử dụng, khi cho không làm giấy tờ. Sau đó, bà H cất nhà ở giáp ranh với nhà cha mẹ. Đến năm 2000, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ Phạm Thị H đứng tên, tại thửa 510 tờ bản đồ số 02, diện tích 1500m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 963479 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/3/2000. Đến năm 2004, ông Phạm Văn K sống chung nhà với cha mẹ bà H có hành vi đánh và đuổi bà H đi khỏi nhà. Vào năm 2020, bà H được nhà nước hỗ trợ cất nhà tình thương tại phần đất mà bà H đã ở trước đây. Bà H có thuê người chặt cây để cất nhà thì ông K ngăn cản, không cho bà H sử dụng đất nên hai bên phát sinh tranh chấp. Nay bà H yêu cầu ông K và bà Đ trả lại diện tích đất đo đạc thực tế 1.042,4m² để bà H cất nhà ở, do phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng bị đơn ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Ngọc Đ cùng thống nhất trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp của cha mẹ ông K là cụ Phạm Văn N1 và cụ Nguyễn Thị T3, do ông K sống chung với cha mẹ từ nhỏ nên khi cha mẹ chết ông K được sử dụng đất. Cụ N1 chết năm 1985, cụ T3 chết năm 1997. Đến năm 2000, ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 18.790m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 963470 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/3/2000, do hộ ông Phạm Văn K đứng tên quyền sử dụng đất. Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các anh chị em trong gia đình không ai có ý kiến. Vào năm 2020, bà H thuê người đến chặt cây tại phần đất vườn tạp mà gia đình ông K đang sử dụng nên ông K ngăn cản, từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của bà H, do khi cha mẹ còn sống chỉ cho bà H 02 công đất

ruộng hiện bà H đang sử dụng. Phần đất tranh chấp do ông K và bà Đ có cho bà H mượn cất nhà ở, sau đó bà H cất nhà ở nơi khác và trả đất. Ông K và bà Đ không đồng ý trả đất cho bà H do đất ông K và bà Đ đang quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N trình bày: Bà Phạm Thị H và ông Phạm Văn K đều thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh huyện V. Hiện bà H nợ số tiền gốc 3.480.000 đồng, còn ông K nợ số tiền gốc 40.000.000 đồng, hai khoản nợ đều là nợ xấu. Nhưng do phần đất tranh chấp giữa ông K và bà H không thể xác định được nên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 963479 tại thửa 510 tờ bản đồ số 02 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30/3/2000 cho hộ bà Phạm Thị H là đúng trình tự, thủ tục. Thời điểm cấp giấy chứng nhận không đo đạc thực tế mà cấp theo trích lục bản đồ địa chính thành lập năm 1997. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, Ủy ban nhân dân không có ý kiến.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ, về việc yêu cầu ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ trả lại cho bà Phạm Thị H diện tích đất 1.042,4m² tọa lạc ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Buộc ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ trả lại cho bà Phạm Thị H diện tích đất 1.042,4m² thuộc thửa 510 tờ bản đồ số 02, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 963479 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30 tháng 3 năm 2000, do hộ bà Phạm Thị H đứng tên quyền sử dụng đất, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Út O số đo 16,51m;
- Hướng Tây giáp kênh số đo 16,95m;
- Hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn K sử dụng không tranh chấp số đo 63,98m;
- Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Bé Tư số đo 30,43m; 34,74m.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2021, đồng bị đơn ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K và bà Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông K và bà Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ có nội dung, hình thức đúng quy định và được chấp nhận kháng cáo quá hạn theo Quyết định số 10/2021/QĐ-PT ngày 15/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Tống Văn N đại diện Ngân hàng N, ông Danh Thái T đại diện Ủy ban nhân dân huyện V vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; ông Trịnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của ông K, bà Đ là đồng bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H yêu cầu ông K và bà Đ trả lại diện tích đất đo đạc thực tế 1.042,4m², đất tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[3.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2020 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu, thể hiện phần đất tranh chấp có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Út O số đo 16,51m;
- Hướng Tây giáp kênh Q số đo 16,95m;
- Hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn K sử dụng không tranh chấp số đo 63,96m;
- Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Bé Tư số đo 30,43m; 6,09m; 34,74m.

Diện tích: 1.042,4m², thuộc một phần thửa 510, tờ bản đồ số 2, thành lập năm 1997.

Hiện trạng đất vườn gồm 01 bụi tre, 03 cây tra, 02 cây trâm bầu, 01 cây công, 02 cây dừa lớn, 01 cây dừa nhỏ, 01 cây bạch đàn. Ngoài ra, trên đất không còn tài sản nào khác.

[3.2] Xét nguồn gốc đất, đại diện bà H, ông K và bà Đ thống nhất xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ Phạm Văn N1 và cụ Nguyễn Thị T3 (cha mẹ bà H, ông K), xét thấy đây là sự thừa nhận của đương sự không cần chứng minh.

[3.3] Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, bà H cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho Hộ bà H ngày 30/3/2000. Do đó, cần xem xét quá trình sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H.

Xét về quá trình sử dụng đất, theo bà T2 là đại diện theo ủy quyền bà H xác định khoảng vào năm 1982 bà H được cha mẹ cho phần đất khoảng 1.500m², bà H cất nhà ở trên phần đất này, năm 1998 bà H đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, đến năm 2000 bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bà H chỉ ở trên đất đến năm 2003 thì bị ông K đánh đuổi không cho ở nữa nên bà H về phần đất ruộng ở cho đến nay. Xét thấy sự việc này là có thật, đã được chính ông K thừa nhận và phù hợp với lời khai của các nhân chứng là bà Lê Thị Ân, bà Lê Thị Nhân, bà Nguyễn Thị Tám, ông Trần Hoàng Sỡ, họ đều xác định, thời điểm cụ N1 và cụ T3 còn sống thì bà H đã ở trên phần đất, sau khi cụ N1 và cụ T3 chết thì bà H vẫn còn ở trên đất.

Ngoài ra, bà Ân và bà Nhân xác định ông Tư và bà Nhỏ có cho đất bà H với diện tích 1.500m² đất vườn tạp, còn phần đất hiện ông K đang sử dụng là đất có nhà của cụ T3 và cụ N1 ở trước đây. Lời khai này cũng phù hợp với lời khai của ông Phạm Văn Ngon và ông Phạm Văn Liêm là anh em ruột của ông K và bà H. Nhưng theo lời khai của bà Phạm Thị Cam là em của bà H và là chị của ông K cho rằng đất tranh chấp của ông K, do bà H đã được cha mẹ cho 02 công đất ruộng hiện bà H đang cất nhà ở nhưng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện V ĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu cấp cho bà H vào ngày 30/3/2000 thể hiện bà H được cấp quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất bao gồm: Thửa đất số 493 có diện tích 2.800m² đất trồng lúa; thửa đất số 510-1; 510-2 có tổng diện tích 1.500m² đất ở và lập vườn; thửa đất số 522 có diện tích 2.760 m² đất trồng lúa. Mặt khác, vào thời điểm bà H cất nhà ở trên phần đất năm 1982 lúc này cụ T3 và cụ N1 là cha mẹ của bà H, ông K còn sống và ở nhà bên cạnh nhưng không có ý kiến. Do đó, có căn cứ xác định ngoài việc bà H vừa được cha mẹ cho 02 công đất ruộng, vừa được nhà nước cấp khoảng 02 công đất ruộng thì bà H còn được cha mẹ cho phần đất hiện đang tranh chấp.

Xét trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp cho bà H vào ngày 30/3/2000. Ông K cho rằng đất của cha mẹ để lại cho ông và ông cho bà H mượn phần đất tranh chấp nhưng không có giấy tờ gì chứng minh trong khi cùng thời điểm bà H được cấp quyền sử dụng đất tranh chấp thì ông K cũng được cấp quyền sử dụng đất thửa liền kề số 510, tờ bản đồ số 02. Theo công văn số 854/UBND-NC ngày 31/3/2021 của Ủy ban nhân dân huyện V

ĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xác định việc cấp giấy cho hộ bà H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, có căn cứ xác định Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H vào ngày 30/3/2000 là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Ông K cho rằng nếu trả đất cho bà H thì lấy hết phần nửa đất thổ cư của ông thuộc thửa 511-1, 511-2 và ông phải tháo dỡ nhà, giao đất cho bà H. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/7/2020 và Mặt bằng hiện trạng khu đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bạc Liêu thể hiện phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 510 không liên quan đến thửa đất 511 của ông K và trên đất không có nhà của ông K. Trong quá trình xét xử phúc thẩm ông K và bà Đ không có yêu cầu đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp. Do vậy, trình bày này của ông K không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K, bà H; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Theo phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên buộc ông K và bà Đ trả lại cho bà H phần đất tại hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn K sử dụng không tranh chấp số đo 63,98m và hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Bé Tư số đo 30,43m; 34,74m là không chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh phần này.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 148, 157, 164, 227, 228, 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 60/2021/DS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ, về việc yêu cầu ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ trả lại cho bà Phạm Thị H diện tích đất 1.042,4m² tọa lạc ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ trả lại cho bà Phạm Thị H diện tích đất 1.042,4m² thuộc thửa 510 tờ bản đồ số 02, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 963479 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 30 tháng 3 năm 2000, do hộ bà Phạm Thị H đứng tên quyền sử dụng đất, có vị trí và số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Út O số đo 16,51m;
- Hướng Tây giáp kênh số đo 16,95m;
- Hướng Nam giáp đất ông Phạm Văn K sử dụng không tranh chấp số đo 63,96m;
- Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Bé Tư số đo 30,43m; 6,09m; 34,74m.

(Mảnh trích đo địa chính thửa đất là một phần không thể tách rời bản án).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.826.480 đồng, ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu. Bà Phạm Thị H đã nộp tạm ứng chi phí số tiền 1.826.480 đồng, buộc ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 1.826.480 đồng (một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi đồng) cho bà Phạm Thị H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí, bà Phạm Thị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005298 ngày 28 tháng 4 năm 2020, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Ngọc Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000678 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- CCTHADS huyện Vĩnh Lợi;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng